

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-PT

Ngày 30 - 01 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán:

Ông Lê Lâm Sơn

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thị Ph, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 20, ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Đồng bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1976 và bà Lâm Thị Thu Tr, sinh năm: 1980. Cùng địa chỉ: Tổ 02, ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 (Có mặt).

2. NLQ2 (Vắng mặt).

3. NLQ3 (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Đồng bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thị Ph trình bày:

Vào năm 2009 vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang tiến hành cưỡng chế kê biên một căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích là 180m², thửa số 18c, tờ bản đồ số 6, số H00238/5196 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/10/2006 mang tên Huỳnh Thanh T.

Bà Thị Ph đã trúng đấu giá toàn bộ diện tích đất này và Chi cục Thi hành án vào cưỡng chế giao tài sản cho bà Thị Ph vào năm 2011 (bà Ph mua trúng đấu giá vào ngày 09/02/2010 với số tiền 119.099.000 đồng). Sau khi đoàn cưỡng chế giao tài sản cho bà Thị Ph xong thì khoảng một tuần sau phía bên gia đình ông T và bà Tr đập ổ khóa vào tiếp tục ở trong nhà. Phía bà Thị Ph có báo chính quyền địa phương, được chính quyền địa phương hòa giải. Tại buổi hòa giải ở địa phương vợ chồng ông T, bà Tr xin cho thêm thời gian để tìm nơi ở mới, nên bà Ph đồng ý cho vợ chồng ông T mượn ở tạm từ đó cho đến nay, mặc dù bà Ph đã nhiều lần yêu cầu phía ông T và bà Tr giao trả lại tài sản.

Diện tích đất trên bà Thị Ph đã được Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX048465 ngày 09/02/2015. Tuy nhiên cho đến nay ông T và bà Tr vẫn không giao lại đất và nhà cho bà Thị Ph sử dụng. Do đó, bà Thị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr phải giao trả lại diện tích đất là 180m², đất tọa lạc tại ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang tại thửa 18c, tờ bản đồ số 6. Đất có vị trí như sau: Mặt tiền giáp lộ LH chiều ngang = 10m, chiều dài một bên giáp đất ông Ngô Văn Th = 18m, chiều ngang mặt hậu giáp đất ông Tạ Văn Ph = 10m và chiều dài cạnh còn lại giáp đất ông Tạ Văn Đ = 18m; cùng hai căn nhà trên phần đất. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr trả lại phần đất lưu không thuộc mé sông. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bà Thị Ph xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất lưu không, mà bà chỉ yêu cầu phía vợ chồng ông T và bà Tr trả lại phần đất diện tích 180m² tọa lạc tại ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang đã cấp cho bà. Đồng thời yêu cầu phía vợ chồng ông T và bà Tr giao trả toàn bộ tài sản và cây trồng trên phần đất (bởi vì bà đã mua trúng đấu giá toàn bộ tài sản này).

Đồng bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr trình bày:

Trước đây bà Tr có tham gia chơi hụi với bà Thị Ph, bà Tr còn nợ lại bà Ph số tiền là 69.400.000 đồng. Do việc thỏa thuận không thành, nên bà Ph gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang giải quyết. Vụ việc được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Theo Quyết định trên do bà không có tiền trả cho bà Ph theo như cam kết nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang tiến hành kê biên bán đấu giá tài sản của bà Tr là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích là 180m², thuộc thửa số 18c, tờ bản đồ số 6, số H00238/5196 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/10/2006 mang tên Huỳnh Thanh T. Bà Thị Ph đã trúng đấu giá toàn bộ tài sản trên với giá là 119.099.000 đồng, tuy nhiên vợ chồng ông bà không đồng ý, nên đến nay không giao nhà và đất cho bà Ph. Đối với diện tích đất này ông bà đã chuyển nhượng cho NLQ1, NLQ2 từ năm 2003 với diện tích là 82,06m².

Nay bà Thị Ph yêu cầu vợ chồng ông bà trả lại diện tích đất là 180m² thì ông bà không đồng ý. Nhưng có nguyện vọng muốn mua lại diện tích đất này với giá 119.099.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa ông T, bà Tr không đồng ý trả lại diện tích đất 180m² theo yêu cầu của bà Thị Ph. Ông bà yêu cầu bà Thị Ph chuyển nhượng lại diện tích đất này với giá 119.099.000 đồng và xin trả dần làm hai đợt, vì ông bà không có tiền.

Các đương sự đồng ý với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và kết quả định giá của Công ty cổ phần Bất động sản Kiên Giang, không yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc và định giá lại, nên miễn xét.

Tại phiên tòa các đương sự đều trình bày: Hiện trạng nhà và tài sản gắn liền với đất đang tranh chấp vẫn còn như hiện trạng cũ, không thay đổi kết cấu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị Ph.

Buộc ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thu Thu Tr phải giao trả lại toàn bộ tài sản bao gồm nhà gắn liền với quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất cho bà Thị Ph diện tích là 180m², thửa số 18c, tờ bản đồ số 6 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 09/02/2015 (đứng tên bà Thị Ph). Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Phần đất có số đo cụ thể như sau:

- Cạnh 1-2 = 18m, giáp đất ông Ngô Văn Th.

- Cạnh 2-3 = 10m, giáp đất ông Tạ Văn Ph.
- Cạnh 3-4 = 18m, giáp đất ông Tạ Văn Đ.
- Cạnh 4-1 = 10m, giáp đường LH.

(Khu đất đo đạc đã trừ lưu không đường LH 15m).

Trên phần đất tranh chấp có cất 02 căn nhà cây lợp tôn, nền lát gạch tàu + gạch Ceramic. Phía sau nhà có trồng 02 cây dừa, 02 cây xoài, 01 cây mít (kèm theo biên bản thẩm định hiện trạng tài sản do cán bộ Công ty cổ phần Bất động sản Kiên Giang lập).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất lưu không, do nguyên đơn rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí đo đạc, định giá tài sản và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, đồng bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Ông bà yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông bà được trả số tiền trúng đấu giá 119.099.000 đồng cho bà Thị Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngược lại, nguyên đơn bà Thị Phi không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của đồng bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLQ1, NLQ3 vắng mặt, nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 09/02/2010, bà Thị Ph là người trúng đấu giá quyền sử dụng đất diện tích 180m² và tài sản trên đất gồm hai nhà tạm, hai mái che với diện tích sử dụng 132m² tọa lạc tại tổ 2, ấp LH, xã LH, huyện HD, tỉnh Kiên Giang. Nên vào ngày 16/6/2011, Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD, tỉnh Kiên Giang đã tiến hành cưỡng chế giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà Thị Ph, trong đó có 150m² đất vi phạm lộ giới và 180m² đã được Ủy ban nhân dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Huỳnh Thanh T.

Khi được Chi cục Thi hành án cưỡng chế và bàn giao nhà và đất, bà Thị Ph đã nhận tài sản và khóa cửa nhà lại, nhưng sau đó ông T và bà Tr đã đập ổ khóa vào ở trong nhà từ đó cho đến nay. Bà Thị Ph có báo với chính quyền địa phương và được Ban lãnh đạo ấp LH mời hai bên lên hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 03/7/2015, bà Tr chấp nhận trả lại mặt bằng cho bà Thị Ph vào cuối năm 2015, với điều kiện bà Thị Ph phải nhường lại năm mét mặt bằng cho bà Tr, nhưng không được bà Thị Ph đồng ý, nên phiên hòa giải không thành (BL 20 - 21). Chính việc này thể hiện bà Tr đã thừa nhận phần đất đang tranh chấp, vợ chồng bà Tr tự ý bao chiếm, quản lý và sử dụng phần đất của bà Thị Ph trúng đấu giá.

Ông T và bà Tr không đồng ý giao nhà và đất cho bà Thị Ph, mà yêu cầu trả cho bà Thị Ph số tiền 119.099.000 đồng và trả thành hai lần: Lần đầu trả 60.000.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật; phần còn lại sẽ trả dứt điểm vào sáu tháng sau. Tuy nhiên, việc này không được bà Thị Ph chấp nhận, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Ngoài ra, vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr cho rằng trong phần đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD, tỉnh Kiên Giang đã cưỡng chế giao cho bà Thị Ph, thì ông bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng NLQ1, NLQ2 với chiều ngang 4,4m, chiều dài 18,65m với tổng diện tích 82,06m² vào tháng 04 năm 2003. Tuy nhiên, trước khi tiến hành cưỡng chế giao tài sản cho bà Thị Ph, Chấp hành viên đã ban hành Quyết định kê biên tài sản của vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr để bán đấu giá tài sản (BL 11), nếu ai có tranh chấp thì khởi kiện Tòa án. Tại Công văn số 04/CV-TA ngày 13/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang xác định: *“Sau khi kiểm tra hồ sơ đơn khởi kiện cũng như hồ sơ đang giải quyết, đến nay không thấy có hồ sơ khởi kiện cũng như hồ sơ đang giải quyết nào có tên người khởi kiện NLQ1, NLQ2 kiện vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr”*.

Bên cạnh đó, khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Thị Ph với vợ chồng ông T, bà Tr. Tòa án đã Thông báo cho NLQ1, NLQ2 nộp đơn yêu cầu độc lập (BL 66, 72), để giải quyết trong

quyền và lợi ích hợp của NLQ1, NLQ2 trong cùng vụ án. Tuy nhiên, đã hết hạn được ấn định trong Thông báo của Tòa án, nhưng NLQ1, NLQ2 không liên hệ, không có đơn yêu cầu, cũng như văn bản gia hạn thời gian nộp đơn yêu cầu độc lập gửi cho Tòa án. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét và xử vắng mặt NLQ1, NLQ2 là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm lại vụ án do có kháng cáo của vợ chồng ông T và bà Tr, thì NLQ1 có nộp cho Tòa án “Tờ thỏa thuận về việc đất và nhà ở”, “đơn yêu cầu và xin sớm được giải quyết” với nội dung: Hủy quyết định số 10/QĐ-THA ngày 06/6/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ. Buộc ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng phần diện tích 82,6m² mà ông đã nhận chuyển nhượng của ông T, bà Tr.

Tuy nhiên, “Tờ thỏa thuận về việc đất và nhà ở” của NLQ1, NLQ2 với ông T, bà Tr tuy đã được lập thành văn bản, nhưng không có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật là vi phạm về hình thức được quy định khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung của Tờ thỏa thuận thể hiện “Vợ chồng ông T, bà Tr thỏa thuận phần đất ở lại cho NLQ1, NLQ2 ngang 4,4m; dài 18,65m với tổng diện tích 82,06m² với số tiền 10.000.000 đồng” nhưng các bên không xác định rõ cụ thể thuộc thửa đất nào, tờ bản đồ số mấy, đất tọa lạc tại đâu, vị trí các cạnh giáp với đất ai...là chưa đảm bảo nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 698 Bộ luật dân sự 2005. Do “Tờ thỏa thuận về việc đất và nhà ở” đã không tuân thủ về hình thức, cũng như nội dung theo quy định của pháp luật, nên đã vô hiệu từ thời điểm ký kết. Nên NLQ1, NLQ2 có quyền khởi kiện tranh chấp với chồng ông T, bà Tr ở vụ án khác.

[3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị Ph. Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr phải giao trả lại toàn bộ tài sản bao gồm nhà gắn liền với quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất cho bà Thị Ph diện tích là 180m², thuộc thửa 18c, tờ bản đồ số 6 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 09/02/2015 (đúng tên bà Thị Ph) là thỏa đáng, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ1, NLQ2. Nên kháng cáo của đồng bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 97/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Do yêu cầu khởi kiện của bà Thị Ph được Tòa chấp nhận, nên không phải nộp án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Thị Ph.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 147, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 456, 457, 458, 459 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 97/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị Ph.

2. Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thu Thu Tr phải giao trả lại toàn bộ tài sản bao gồm nhà gắn liền với quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất cho bà Thị Ph diện tích là 180m², thuộc thửa 18c, tờ bản đồ số 6 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 09/02/2015 (đúng tên bà Thị Ph). Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Phần đất có số đo cụ thể như sau:

- Cạnh 1-2 = 18m, giáp đất ông Ngô Văn Th.

- Cạnh 2-3 = 10m, giáp đất ông Tạ Văn Ph.

- Cạnh 3-4 = 18m, giáp đất ông Tạ Văn Đ.

- Cạnh 4-1 = 10m, giáp đường LH.

(Khu đất đo đạc đã trừ lưu không đường LH 15m).

Trên phần đất tranh chấp có cất hai căn nhà cây lợp tôn, nền lát gạch tàu + gạch Ceramic. Phía sau nhà có trồng hai cây dừa, hai cây xoài, một cây mít (kèm theo biên bản thẩm định hiện trạng tài sản do Cán bộ Công ty cổ phần Bất động sản Kiên Giang lập).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất lưu không, do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003566 ngày 07/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh T và bà Lâm Thị Thu Tr phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000516 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng ông T và bà Tr không phải nộp thêm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện HĐ;
- THA dân sự huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Thi